TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT,** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2021/HS-ST
Ngày: 22/6/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thiết

*Các Hội thẩm nhân dân**:***

Ông Nguyễn Văn Chiến.

Ông Bùi Đăng Lý.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hải - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 03/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 05 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Hữu T, sinh năm 1992 tại xã TH, huyện TL. tỉnh Hà Nam. Nơi cư trú: Thôn TX, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: không; văn hóa 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Trần Văn T, sinh năm: 1958 (đã chết); và bà Đinh Thị H, sinh năm 1959; vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1996, và có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án tiền sự không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người làm chứng:

Ông Phạm Hải N, cán bộ Đội Cảnh sát giao thông số 11- Công an thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu T biết việc điều khiển xe mô tô khi tham gia giao thông phải có Giấy phép lái xe theo quy định của Luật Giao thông đường bộ. Thấy việc học, thi lấy Giấy phép lái xe mất nhiều thời gian nên thông qua mạng xã hội Zalo, T tìm và mua được của một người phụ nữ không quen biết Giấy phép lái xe hạng A1, số 010169899101, cấp ngày 03/02/2018, mang tên Trần Hữu T với số tiền là 1.000.000đ. T đã sử dụng Giấy phép lái xe trên từ khoảng tháng 02/2018 để tham gia giao thông đường bộ. Khoảng 08 giờ 45 phút, ngày 27/10/2020, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 90B2 - 54749, đi đến km số 30 đường Đại lộ TL, thuộc địa phận thôn 2, xã TH, huyện TT, TP Hà Nội, thì bị Đội Cảnh sát giao thông số 11 - Công an TP Hà Nội dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, T đã xuất trình: Căn cước công dân, Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận bảo hiểm và Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Trần Hữu T, có số 010169899101, được cấp ngày 03/02/2018. Thấy giấy phép lái xe của T có dấu hiệu nghi vấn, lực lượng CSGT đã tiến hành kiểm tra trên trang web "GPLX.gov.vn" thì không tìm thấy thông tin đối với Giấy phép lái xe mô tô của T đã xuất trình nên đã bàn giao cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện TT.

Tại Bản kết luận giám định số 10486/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 03/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - CATP Hà Nội, kết luận: "Giấy phép lái xe" cần giám định là Giấy phép lái xe giả.

Vật chứng thu giữ:

- 01 Giấy phép lái xe số 010169899101, được cấp ngày 03/02/2018, mang tên Trần Hữu T, sinh ngày: 29/9/1992, hiện đang được tạm giữ theo hồ sơ của vụ án.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 90B2 - 54749. Ngày 01/02/2021, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trần Hữu T là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với người phụ nữ đã bán Giấy phép lái xe giả cho T vào tháng 01/2018, T khai nhận chỉ nhớ người phụ nữ này sử dụng tài khoản Zalo có tên "Làm bằng lái xe". Sau khi nhận được giấy phép lái xe T không liên lạc được với tài khoản Zalo và số điện thoại của người phụ nữ trên và không nhớ số điện thoại của người phụ nữ này, việc giao dịch mua bán trên mạng xã hội, vì vậy Cơ quan CSĐT - Công an huyện TT không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 26/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, thành phố Hà Nội truy tố bị cáo Trần Hữu T về tội " Sử dụng con dấu

hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1, Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố sau khi phân tích đánh giá hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Hữu T phạm tội " Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo với mức án từ 12 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến gì với bản luận tội của Viện Kiểm sát không tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về diễn biến quá trình thực hiện hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều phù hợp với nhau phù hợp với tang vật thu giữ được. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo Trần Hữu T biết việc sử dụng giấy phép lái xe giả là vi phạm pháp luật xong không chịu học tập và thi để được cấp giấy phép lái xe theo quy định, bị cáo đã lên mạng tìm mua Giấy phép lái xe hạng A1 giả nhằm lừa dối cơ quan nhà nước để sử dụng lưu thông đường bộ từ khoảng tháng 2 năm 2018, đến ngày 27/10/2020, bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 90B2 - 54749, đi đến km số 30 đường Đại lộ TL, thuộc địa phận thôn 2, xã TH, huyện TT, TP Hà Nội, thì bị Đội

Cảnh sát giao thông số 11 - Công an TP Hà Nội dừng xe kiểm tra phát hiện thu giữ tang vật 01 Giấy phép lái xe số 010169899101, được cấp ngày 03/02/2018, mang tên Trần Hữu T, sinh ngày: 29/9/1992; 01 Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 90B2 - 54749.

Tại Bản kết luận giám định số 10486/KLGĐ-PC09-Đ4 ngày 03/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - CATP Hà Nội, kết luận: "Giấy phép lái xe" của bị cáo sử dụng là Giấy phép lái xe giả.

Với hành vi trên của bị cáo đã thực hiện thì bị cáo đã phạm tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là hoàn toàn chính xác đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường và uy tín của các cơ quan nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Xâm phạm đến các lợi ích của nhà nước, các tổ chức xã hội và của công dân. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình tìm cách giao dịch, đặt người khác làm giả giấy phép lái xe để điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ nhằm mục đích che dấu lực lượng chức năng thi hành nhiệm vụ. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng đối với hành vi của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, phạm tội làn đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các tình tiết nêu trên được quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất mức độ, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được viện dẫn Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly xã hội đối với bị cáo, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú cùng gia đình quản lý giám sát, giáo dục tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện sớm trở thành công dân tốt như mức án đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự thì trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về

cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ thu nhập từ 0,5 đến 20 % để sung quỹ nhà nước. Xét bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên Hội đồng miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341 của Bộ luật hình sự quy định thì*"người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".* Hội đồng xét thấy hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người phụ nữ đã bán Giấy phép lái xe giả cho bị cáo, do việc mua bán giao dịch trên mạng xã hội, sau khi giao dịch bị cáo không còn nhớ số điện thoại của người phụ nữ này, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ nên Hội đồng không đề cập.

Về vật chứng:

- 01 Giấy phép lái xe giả số 010169899101, được cấp ngày 03/02/2018, mang tên Trần Hữu T, sinh ngày: 29/9/1992 là tài liệu để chứng minh cho hành vi phạm tội của bị cáo nên cần được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 90B2 - 54749. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo nên Hội đồng không xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn)* đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Hữu T phạm tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

1. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu T 12 (*mười hai)* tháng cải tạo không giam giữ, Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam nơi bị cáo cư trú quản lý giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Công an huyện TT
- VKSND huyện TT;
- Chi cục THA dân sự huyện TT;
- TAND Thành phố Hà Nội;
- UBND xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Thiết